



LILAMA 69-2

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**  
**LILAMA 69-2 Co**

ĐỊA CHỈ: 26 TÂN VIÊN - P.THƯỢNG LÝ - Q. HỒNG BÀNG - TP .HẢI PHÒNG  
Add: 26 Tan Vien st. - Thuong Ly ward. - Hong Bang district - Hai Phong city  
Tel.: (84-225) 38 24761, 38 24984, 3525195 Fax : (84-225)3 8 24562 Email: [lilama69-2@hn-vnn.vn](mailto:lilama69-2@hn-vnn.vn) Web: [www.lilama69-2.com.vn](http://www.lilama69-2.com.vn)



2 Số:.....*L2D*.../TCKT 2018  
(V/v: Công bố BCTC riêng  
Quý II năm 2018)

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2018

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 02253.525 195 Fax: 02253.824 562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phùng Phương Linh**
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính riêng quý II năm 2018 của Công ty cổ phần Lilama 69-2 được lập ngày 20 tháng 07 năm 2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.
  - 6.2 Công văn giải trình chênh lệch Doanh thu và Lợi nhuận quý II năm 2018 và quý II năm 2017.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Phùng Phương Linh**

**Nơi nhận:**

- Như k.gửi,
- Lưu.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2 (RIÊNG)**  
Cho kỳ HĐSX KD từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Hải Phòng 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>495,762,077,135</b>	<b>481,529,663,452</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27,362,397,114	8,263,726,876
Tiền	111		27,362,397,114	8,263,726,876
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		309,048,305,086	285,281,180,309
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	262,621,945,625	244,358,501,644
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27,767,926,869	16,354,072,446
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	11,460,618,825
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	25,871,874,131	20,321,428,933
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7,213,441,539)	(7,213,441,539)
Hàng tồn kho	140		158,048,955,076	182,876,312,006
Hàng tồn kho	141	5.4	158,048,955,076	182,876,312,006
Tài sản ngắn hạn khác	150		1,302,419,859	5,108,444,261
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5.a	418,742,419	544,533,417
Thuế GTGT được khấu trừ	152		883,677,440	4,364,225,504
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	199,685,340
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>106,225,108,271</b>	<b>106,580,084,120</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		2,101,810,598	2,063,361,253
Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2,101,810,598	2,063,361,253
Tài sản cố định	220		79,095,862,690	82,932,154,177
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	78,139,082,576	81,157,763,087
- Nguyên giá	222		162,468,125,191	160,814,716,052
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84,329,042,615)	(79,656,952,965)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	956,780,114	1,774,391,090
- Nguyên giá	225		1,251,374,545	2,326,865,454
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(294,594,431)	(552,474,364)
Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		935,731,847	935,731,847
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(935,731,847)	(935,731,847)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	19,803,131,570	16,280,050,603
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19,803,131,570	16,280,050,603
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		5,224,303,413	5,304,518,087
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5.b	5,224,303,413	5,304,518,087
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>601,987,185,406</b>	<b>588,109,747,572</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>492,809,704,152</b>	<b>479,968,310,819</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>470,889,781,139</b>	<b>454,353,961,964</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	122,999,181,046	130,723,759,673
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		69,408,900,216	14,270,130,074
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11a	4,052,811,099	3,422,836,417
Phải trả người lao động	314		4,380,120,739	2,822,086,480
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	20,553,792,858	19,418,710,847
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		20,077,918,973	23,750,530,927
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	570,000,000
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	6,603,115,501	12,389,456,679
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	221,827,200,005	246,173,843,911
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		986,740,702	812,606,956
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21,919,923,013</b>	<b>25,614,348,855</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	21,919,923,013	25,614,348,855
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>109,177,481,254</b>	<b>108,141,436,753</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>109,177,481,254</b>	<b>108,141,436,753</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		82,982,430,000	82,982,430,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		82,982,430,000	82,982,430,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		36,462,273	36,462,273
Quỹ đầu tư phát triển	418		19,592,046,042	18,895,511,054
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3,333,125,863	3,333,125,863
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3,233,417,076	2,893,907,563
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2,023,238,829	2,023,238,829
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,210,178,247	870,668,734
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>601,987,185,406</b>	<b>588,109,747,572</b>



**Vũ Kế Chương**  
Tông giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2018

**Trần Thị Hương**  
Kê toán trưởng

**Trần Thị Hợi**  
Kê toán lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (C.TY)**

Theo phương pháp trực tiếp

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VNĐ	
		6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và d.thu khác	01	241,379,314,589	222,083,471,755
2. Tiền chi trả cho người cung cấp h/hoá và d.vụ	02	(134,359,188,199)	(174,075,087,712)
3. Tiền trả cho người lao động	03	(36,172,667,666)	(34,689,353,550)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(10,498,035,502)	(6,944,041,770)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(600,000,000)	(273,680,668)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	41,600,763,748	19,176,200,850
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(50,238,541,520)	(31,635,564,275)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>51,111,645,450</b>	<b>(6,358,055,370)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	(4,037,007,929)	(2,294,468,000)
2. Tiền thu thanh lý, n/bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16,318,619	24,496,481
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4,020,689,310)</b>	<b>(2,269,971,519)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ p/hành c/phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	74,066,121,381	128,379,953,068
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(101,847,569,807)	(117,659,006,740)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(236,617,782)	(259,621,338)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(28,018,066,208)</b>	<b>10,461,324,990</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>19,072,889,932</b>	<b>1,833,298,101</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>8,263,726,876</b>	<b>2,814,814,625</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỉ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	25,780,306	3,691,466
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>27,362,397,114</b>	<b>4,651,804,192</b>



Vũ Kế Chương  
Tổng giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2018

Trần Thị Hương  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hợi  
Kế toán lập

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ báo cáo kết thúc tại ngày 30/06/2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

#### 1. Đặc điểm hoạt động

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.298.243 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

##### 1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

##### 1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 30/06/2018, công ty có 01 chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể:

<u>Tên Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 - Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu	Quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng	Xây lắp

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ báo cáo kết thúc tại ngày 30/06/2018

---

#### **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

#### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

##### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

##### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

##### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

##### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Cho kỳ báo cáo kết thúc tại ngày 30/06/2018**

---

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **4.6 Tài sản cố định và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

#### **4.8 Vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

##### **Thặng dư vốn cổ phần**

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ báo cáo kết thúc tại ngày 30/06/2018

---

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## 4.9 Ghi nhận doanh thu

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch giao hàng.

### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## 4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Cho kỳ báo cáo kết thúc tại ngày 30/06/2018**

---

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### **4.11 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

#### **4.12 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

##### **Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2 (RIÊNG)**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, Phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/6/2018

**5 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	81,593,748	774,672,226
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27,280,803,366	7,489,054,650
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
<b>Cộng</b>	<b>27,362,397,114</b>	<b>8,263,726,876</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan</b>	<b>207,665,215,828</b>	<b>205,968,471,342</b>
- C.ty CP Xây Lắp Đường ống Bể Chứa Dầu Khí (H.đồng 43 ngày 22/4/2015)	1,374,628,682	1,374,628,682
- Cty Rennah Services Sdn Bhd	15,663,620,590	
- C.ty TNHH OLYMPIA (HĐ: 2011/2014/HĐ/OLP-Lilama 69-2 ngày 20/12/2014 )	657,457,000	657,457,000
- Công ty TNHH xây dựng dân dụng Olympia HĐ 99/2016	7,378,849,081	7,378,849,081
- C.ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng ánh Dương (HĐ: 148/2014/HĐ/ADC-Lilama 69-2 ngày 20/12/2014)		2,203,558,475
- Công ty CP luyện thép cao cấp Việt Nhật HD số 050)	6,396,741,030	
- Công ty CP công nghiệp tàu thủy Đông Bắc HĐ 01/2015/HĐKT/DBS-LILAMA	13,706,575,637	13,706,575,637
- Công ty TNHH CT điện lực Kaidi Vũ Hán Trung Quốc - VPĐH CT tại Quảng Ninh HĐ 020	196,442,468	4,178,885,365
- Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Olympia HĐ 616 - KS Accor Sapa	23,091,424,902	30,456,135,158
- Công ty CP xi măng Sài Sơn (HD số 17/2017)	14,826,781,929	
- Khách hàng khác	124,372,694,509	146,012,381,944
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>54,956,729,797</b>	<b>38,390,030,302</b>
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	54,956,729,797	38,390,030,302
<b>Cộng</b>	<b>262,621,945,625</b>	<b>244,358,501,644</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2 (RIÊNG)**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, Phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/6/2018

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>25,871,874,131</b>	-	<b>20,321,428,933</b>	-
Phải thu người lao động	-	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	6,553,995,809	-	2,388,067,978	-
Phải thu khác	1,721,627,228	-	1,664,751,515	-
Tạm ứng	17,596,251,094	-	16,268,609,440	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2,101,810,598</b>	-	<b>2,063,361,253</b>	-
Ký cược, ký quỹ	2,101,810,598	-	2,063,361,253	-
<b>Cộng</b>	<b>27,973,684,729</b>	-	<b>22,384,790,186</b>	-

**5.4 Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	12,449,748,158	-	13,958,140,696	-
Công cụ, dụng cụ	1,700,778,693	-	1,057,518,702	-
Chi phí SXKD dở dang	143,898,428,225	-	167,860,652,608	-
Hàng hóa	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>158,048,955,076</b>	-	<b>182,876,312,006</b>	-

**5.5 Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>418,742,419</b>	<b>544,533,417</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	96,666,665	166,533,417
Chi phí thuê mặt bằng	322,075,754	378,000,000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>5,224,303,413</b>	<b>5,304,518,087</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	9,796,846	30,705,469
Các khoản khác	5,214,506,567	5,273,812,618
<b>Cộng</b>	<b>5,643,045,832</b>	<b>5,849,051,504</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2 (RIÊNG)**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, Phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/6/2018

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số đầu năm</b>	77,035,500,907	45,190,630,035	38,032,276,280	556,308,830	-	160,814,716,052
- Mua trong năm	-	567,918,230	-	-	-	567,918,230
- Tặng khác	-	1,085,490,909	-	-	-	1,085,490,909
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>77,035,500,907</u>	<u>46,844,039,174</u>	<u>38,032,276,280</u>	<u>556,308,830</u>	<u>-</u>	<u>162,468,125,191</u>

**HAO MÒN LŨY KẾ**

<b>Số đầu năm</b>	21,598,293,925	24,473,807,046	33,173,289,927	411,562,067	-	79,656,952,965
- Khấu hao trong năm	1,638,159,936	1,255,283,932	1,360,027,432	15,309,324	-	4,268,780,624
- Tặng khác	-	403,309,026	-	-	-	403,309,026
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>23,236,453,861</u>	<u>26,132,400,004</u>	<u>34,533,317,359</u>	<u>426,871,391</u>	<u>-</u>	<u>84,329,042,615</u>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

<b>Số đầu năm</b>	55,437,206,982	20,716,822,989	4,858,986,353	144,746,763	-	81,157,763,087
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>53,799,047,046</u>	<u>20,711,639,170</u>	<u>3,498,958,921</u>	<u>129,437,439</u>	<u>-</u>	<u>78,139,082,576</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2 (RIÊNG)**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, Phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/6/2018

5.6 Tài sản cố định vô hình	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>		
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm		935,731,847	935,731,847		
Số cuối kỳ		935,731,847	935,731,847		
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số đầu năm		935,731,847	935,731,847		
Số cuối kỳ		935,731,847	935,731,847		
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm					
Số cuối kỳ					
<b>5.8 Tài sản cố định thuê tài chính</b>					
	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	1,251,374,545	1,075,490,909	-	2,326,865,454	
- Thuê tài chính trong năm	-		-	-	
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(1,075,490,909)	-	(1,075,490,909)	
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-		-	-	
Số cuối kỳ	1,251,374,545	-	-	1,251,374,545	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số đầu năm	216,383,519	336,090,845	-	552,474,364	
- Khấu hao trong năm	78,210,912	67,218,181	-	145,429,093	
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(403,309,026)	-	(403,309,026)	
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-		-	-	
Số cuối kỳ	294,594,431	-	-	294,594,431	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	1,034,991,026	739,400,064	-	1,774,391,090	
Số cuối kỳ	956,780,114	-	-	956,780,114	
<b>5.9 Xây dựng cơ bản dở dang</b>				<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>	
Dự án đầu tư nâng cao năng lực công ty năm 2016 trở về trước			10,368,296,005	10,145,868,869	
Dự án đầu tư nâng cao năng lực công ty năm 2017			9,022,742,462	6,134,181,734	
Dự án đầu tư nâng cao năng lực công ty năm 2018			412,093,103		
<b>Cộng</b>			19,803,131,570	16,280,050,603	

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2 (RIÊNG)**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, Phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/6/2018

**5.10 Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>68,602,234,002</b>	<b>68,602,234,002</b>	<b>76,326,812,629</b>	<b>76,326,812,629</b>
- C.ty CP Thương Mại và Đầu Tư Thành Phúc	3,224,554,415	3,224,554,415	3,410,904,327	3,410,904,327
- Công ty cổ phần cơ khí và lắp máy Việt Nam - COLAVI - HD 160801 ngày 01/08/2016	14,773,098,104	14,773,098,104	14,773,098,104	14,773,098,104
- Công ty CP Thương Mại Thái Giang	2,173,709,391	2,173,709,391	2,294,831,806	2,294,831,806
- Phải trả khác	48,430,872,092	48,430,872,092	55,847,978,392	55,847,978,392
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>54,396,947,044</b>	<b>54,396,947,044</b>	<b>54,396,947,044</b>	<b>54,396,947,044</b>
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam Cộng	54,396,947,044	54,396,947,044	54,396,947,044	54,396,947,044
	<b>122,999,181,046</b>	<b>122,999,181,046</b>	<b>130,723,759,673</b>	<b>130,723,759,673</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số cuối kỳ VND
<b>a. Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>3,422,836,417</b>	<b>2,864,178,932</b>	<b>2,234,204,250</b>	<b>4,052,811,099</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp		1,496,462,545	875,819,164	620,643,381
- Thuế xuất, nhập khẩu				-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,971,861,267	287,984,287	600,000,000	2,659,845,554
- Thuế thu nhập cá nhân	450,975,150	321,347,014		772,322,164
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất		138,678,600	138,678,600	-
- Thuế bảo vệ môi trường				-
- Các loại thuế khác		619,706,486	619,706,486	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2 (RIÊNG)**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, Phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/6/2018

**5.14 Vay và nợ thuê tài chính**

TT	Nội dung	Số cuối kỳ		Trong năm		Số đầu năm	
		Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>221,827,200,005</b>	<b>221,827,200,005</b>	<b>74,066,121,381</b>	<b>98,412,765,287</b>	<b>246,173,843,911</b>	<b>246,173,843,911</b>
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng <sup>(1)</sup>	194,319,662,999	194,319,662,999	61,045,843,326	63,487,359,872	196,761,179,545	196,761,179,545
-	Ngân hàng TMCP An Bình <sup>(2)</sup>	18,792,156,669	18,792,156,669	9,368,665,273	20,523,422,129	29,946,913,525	29,946,913,525
-	Ngân hàng TMCP quân đội <sup>(3)</sup>	5,215,380,337	5,215,380,337	2,151,612,782	14,401,983,286	17,465,750,841	17,465,750,841
-	Vay cá nhân	3,500,000,000	3,500,000,000	1,500,000,000	-	2,000,000,000	2,000,000,000
b)	<b>Vay dài hạn</b>	<b>21,372,723,020</b>	<b>21,372,723,020</b>	<b>-</b>	<b>3,434,804,520</b>	<b>24,807,527,540</b>	<b>24,807,527,540</b>
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng <sup>(4)</sup>	15,253,483,071	15,253,483,071	-	1,507,016,520	16,760,499,591	16,760,499,591
-	Ngân hàng TMCP quân đội - CN Hải Phòng <sup>(5)</sup>	6,119,239,949	6,119,239,949	-	1,927,788,000	8,047,027,949	8,047,027,949
c)	<b>Thuê tài chính</b>	<b>547,199,993</b>	<b>547,199,993</b>	<b>-</b>	<b>259,621,322</b>	<b>806,821,315</b>	<b>806,821,315</b>
-	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN <sup>(6)</sup>	547,199,993	547,199,993	-	259,621,322	806,821,315	806,821,315
	<b>Cộng</b>	<b>243,747,123,018</b>	<b>243,747,123,018</b>	<b>74,066,121,381</b>	<b>102,107,191,129</b>	<b>271,788,192,766</b>	<b>271,788,192,766</b>

**d) Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Kỳ này		Kỳ trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
Trên 1 đến 5 năm	291,249,542	31,628,220	319,084,063	59,462,725
		259,621,322		259,621,338
				271,788,192,766

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ báo cáo kết thúc tại ngày 30/06/2018

---

#### 5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

(1) Vay Ngân hàng SHB Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 33/2017/HĐHM-PN/SHB 110400 ngày 15/7/2017, thời hạn vay là 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 200 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản quy định trong hợp đồng thế chấp số 391/14.BĐ/133.PTV ngày 19/3/2014; Hợp đồng số 733.KD/09.TCTS ngày 30/12/2008; Hợp đồng số 203.KD/09.TCTS ngày 23/3/2009; Hợp đồng số 1075/12.BĐ/346.NA ngày 30/5/2014; Hợp đồng số 0502/2013/TCQĐN/SHB.HP ngày 04/2/2013; Hợp đồng số SHB5L2004/2011/TCQĐN/SHBHP ngày 27/4/2011; Hợp đồng số 2406/2012/TCQĐN/SHBHP ngày 04/6/2012; Hợp đồng 5607/2013/TCQĐN/SHBHP ngày 30/7/2013; Hợp đồng số 7810/2013/TCQĐN/SHBHP ngày 17/10/2013; Hợp đồng số 10507/2015/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 05/7/2014; Hợp đồng số 392A/14/BĐ/134.PTV ngày 19/3/2014 và bổ sung các phụ lục hợp đồng số 5805/2015/TCQĐN/SHB110400/PL08 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 17811/2014/TCQĐN/SHB 110400/PL07 ngày 16/6/2016, phụ lục SHB5L2004/2011/TCQĐN/SHB-HP/PL09 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 0502/2014/TCQĐN/SHB-HP/PL 16 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng s4303/2014/HĐTC-PN/SHB-HP/PL 04 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng 203.KD/09.TCTS/2014/PLHĐ-06 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 8005/2014/HĐTC-PN/SHB 110400/PL03 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng 4203.02/2014/HĐTC-PN/SHB-HP/PL03 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng 4203.02/2014/HĐTC-PN/SHB-HP/PL02 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng 733.KD/08.TCTS/2014/PLHĐ-05 ngày 16/6/2016.

(2) Vay Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 3169/17/TD-TT/XI ngày 25/6/2017, thời hạn vay 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 150 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản và quyền đòi nợ quy định trong hợp đồng thế chấp số số 1393/14/TC/XI ngày 24/10/2014, Hợp đồng 2358/15/TC-TT/XI ngày 25/6/2015, hợp đồng số 3161/15/TC-TT/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 2749/15TC-TT/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 3197/TC-TT/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 15/15/TC/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 6160/15/TC-TT/XI ngày 08/12/2015, hợp đồng số 6500/15/TC-TT/XI ngày 15/12/2015, hợp đồng số 6716/15/TC-TT/XI ngày 22/12/2015, hợp đồng số 875/16/TC-TT/XI ngày 15/3/2016, hợp đồng số 1463/16/TC-TT/XI ngày 06/4/2016, Hợp đồng số 1795/16/TC-TT/XI ngày 25/4/2016, hợp đồng số 1838/16/TC-TT/XI ngày 05/5/2016, hợp đồng số 2907/16/TC-TT/XI ngày 23/6/2016, hợp đồng số 3697/16/TC-TT/XI ngày 25/7/2016, hợp đồng số 6745/16/TC-TT/XI ngày 30/11/2016, hợp đồng số 3000/16/TC-TT/XI ngày 23/6/2016.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 130626.17.257.1339407.TD ngày 06/09/2017, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 31/07/2018, hạn mức tín dụng là 85 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay là 35 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 50 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản công ty CP Lilama 69-2 đang nắm giữ đó là máy cần trục thủy lực bánh xích Model QUY 150C mua của công ty CP khoa học sản xuất mỏ, hóa đơn GTGT số 0092201 ngày 08/08/2008.

(4) Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số SHB13L2306/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để mua sắm thiết bị thi công; thời hạn vay là 54 tháng; lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số SHB14L2106/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện; thời hạn vay là 90 tháng; lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án hình thành sau đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ báo cáo kết thúc tại ngày 30/06/2018

---

<sup>(5)</sup>Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 141.15.257.1339407.TD ngày 03/9/2015; thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để thanh toán tiền đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động SXKD. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 64877.16.257.1339407.TD ngày 30/9/2016, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư nâng cao năng lực sản xuất năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Hợp đồng cho vay số 133024.17.257.1339407.TD ngày 28/06/2017, thời hạn cho vay là 48 tháng, số tiền cho vay là 14 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ trung hạn đầu tư sửa chữa, xây mới văn phòng – nhà xưởng và đầu tư máy móc thiết bị, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

<sup>(6)</sup> Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các Hợp đồng sau:

+ Hợp đồng thuê tài chính số 12.15.02/CTTC ngày 04/3/2015, thời hạn 36 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 1.183.040.000 đồng., tỷ lệ cho thuê: 70% giá trị tài sản tương đương 828.128.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cho thuê cơ bản đồng Việt Nam do Công ty Cho thuê tài chính - NH TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 3,6%/năm. Đến ngày 12/6/2018 công ty đã trả hết nợ gốc

+ Hợp đồng thuê tài chính 43.16.01/CTTC ngày 11/8/2016, thời hạn 48 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 972.800.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam do Công ty cho thuê tài chính – NHTMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 2,3%

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2 (RIÊNG)**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, Phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/6/2018

**5.12 Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>20,553,792,858</b>	<b>19,418,710,847</b>
- Trích trước chi phí công trình	18,767,458,176	17,869,451,892
- Trích trước lãi vay phải trả	1,786,334,682	1,549,258,955
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20,553,792,858</b>	<b>19,418,710,847</b>

**5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>6,603,115,501</b>	<b>12,389,456,679</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	1,923,794,627	1,836,147,445
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	2,085,580,517	2,463,352,995
- Bảo hiểm y tế	-	
- Bảo hiểm thất nghiệp	441,719,213	222,582,689
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,152,021,144	7,867,373,550
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>6,603,115,501</b>	<b>12,389,456,679</b>

**5.15 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	37,305,150,000	37,305,150,000
- Vốn góp của cổ đông khác	45,677,280,000	45,677,280,000
<b>Cộng</b>	<b>82,982,430,000</b>	<b>82,982,430,000</b>

**5.15 Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ CP	Số đầu năm CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,298,243	8,298,243
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8,298,243	8,298,243
+ Cổ phiếu phổ thông	8,298,243	8,298,243
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,298,243	8,298,243
+ Cổ phiếu phổ thông	8,298,243	8,298,243
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10,000	10,000

**5.15 Các quỹ**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	19,592,046,042	18,895,511,054
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3,333,125,863	3,333,125,863

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2 (RIÊNG)**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, Phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/6/2018

**25.1 - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2018</b>	<b>82,982,430,000</b>	<b>36,462,273</b>	-	<b>18,895,511,054</b>	<b>3,333,125,863</b>	<b>2,893,907,563</b>	<b>108,141,436,753</b>
- Tăng vốn trong năm nay (*)	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	1,210,178,247	1,210,178,247
- Trích lập các quỹ	-	-	-	696,534,988	-	-	696,534,988
- Tăng khác	-	-	41,339,759	-	-	-	41,339,759
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	-	-	870,668,734	870,668,734
- Giảm khác	-	-	41,339,759	-	-	-	41,339,759
<b>30/06/2018</b>	<b>82,982,430,000</b>	<b>36,462,273</b>	-	<b>19,592,046,042</b>	<b>3,333,125,863</b>	<b>3,233,417,076</b>	<b>109,177,481,254</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2 (Riêng)**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, Phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/6/2018

Thông tin bổ sung cho khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

	<u>6 tháng đầu năm 2018</u>	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>a) Doanh thu</b>		
- Doanh thu hoạt động xây lắp	164,189,931,232	114,208,662,045
- Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ khác	21,189,192,604	38,618,213,928
<b>Cộng</b>	<b>185,379,123,836</b>	<b>152,826,875,973</b>
<b>6.2 Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn hoạt động xây lắp	145,566,365,271	96,057,758,921
- Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ khác	20,507,813,604	37,716,924,556
<b>Cộng</b>	<b>166,074,178,875</b>	<b>133,774,683,477</b>
<b>6.3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13,354,216	24,755,704
- Lãi chênh lệch tỷ giá	3,445,751	5,011,035
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	34,837,293	52,178,972
<b>Cộng</b>	<b>51,637,260</b>	<b>81,945,711</b>
<b>6.4 Chi phí tài chính</b>		
- Chi phí lãi vay	12,284,114,714	10,028,241,356
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28,814,159	25,454,362
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Chi phí tài chính khác	2,357,363	
<b>Cộng</b>	<b>12,315,286,236</b>	<b>10,053,695,718</b>
<b>6.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1,465,743,728</b>	<b>1,204,560,683</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>9,015,000</b>	<b>40,279,919</b>
- Chi phí không hợp lý	9,015,000	
- Các khoản chi phí (phạt)		40,279,919
- Lỗ chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại cuối kỳ		
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>34,837,293</b>	<b>52,178,972</b>
- Lãi chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại cuối kỳ	34,837,293	52,178,972
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>1,439,921,435</b>	<b>1,192,661,630</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>287,984,287</b>	<b>238,532,326</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ báo cáo kết thúc tại ngày 30/06/2018

#### 6.6 Công cụ tài chính

##### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

##### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

##### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

##### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

##### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



Vũ Kế Chương  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2018

Trần Thị Hương  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hợi  
Người lập



LILAMA 69-2

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**  
**LILAMA 69-2 Co**

ĐỊA CHỈ: 26 TÂN VIÊN - P. THƯỢNG LÝ - Q. HỒNG BÀNG - TP. HẢI PHÒNG  
Add: 26 Tan Vien st. - Thuong Ly ward. - Hong Bang district - Hai Phong city  
Tel.: (84-225) 38 24761, 38 24984, 3525195 Fax: (84-225) 3 8 24562 Email: lilama69-2@hn-vnn.vn Web: www.lilama69-2.com.vn



Số: 219...../TCKT 2018

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2018

(V/v: Giải trình chênh lệch KQ SXKD riêng  
Quý II năm 2018 và quý II năm 2017)

**Kính gửi:** - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
- Mã chứng khoán: **L62**
- Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bang, TP. Hải Phòng
- Điện thoại: 02253.525 195 Fax: 02253.824 562
- Người thực hiện công bố thông tin: **Phùng Phương Linh**
- Nội dung: (Giải trình chênh lệch kết quả SXKD riêng quý II năm 2018 và quý II năm 2017). Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BCT ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính, Công ty cổ phần LILAMA69-2 xin giải trình như sau:

- Một số chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II Năm 2018 (VND)	Quý II Năm 2017 (VND)	So sánh
Doanh thu thuần	104.890.339.998	98.652.324.571	106,3%
Lợi nhuận sau thuế	592.690.638	596.383.314	99,4%

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần LILAMA69-2 trong quý II năm 2018 và quý II năm 2017 tương đối ổn định, không có các thay đổi lớn. Công ty cổ phần LILAMA69-2 là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp. Doanh thu, chi phí và lợi nhuận chung của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tiến độ và giai đoạn nghiệm thu của từng hợp đồng. Do đó, việc ghi nhận doanh thu, chi phí và lợi nhuận tại các thời điểm là khác nhau nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các kỳ báo cáo có sự chênh lệch.

Trên đây là một số nguyên nhân dẫn đến chênh lệch kết quả sản xuất kinh doanh riêng giữa quý II năm 2018 và quý II năm 2017 của Công ty cổ phần LILAMA69-2.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Trân trọng!**

**NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Nơi nhận:**

- Như k. gửi,
- Lưu.

**Phùng Phương Linh**